

Bản án số: 29/2018/DS-ST
Ngày: 29-5-2018
V/v “Tranh chấp liên quan đến
tài sản bị cưỡng chế để thi hành án”

NHÂN DANH
ƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GD, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Luân
2. Ông Nguyễn Văn Ninh

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GD, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 246/2017/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án”, theo quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2018/QĐST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lương Văn Đ, sinh năm: 1961, (có mặt)

Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1964, (có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 31, ấp CB, xã CG, huyện GD, tỉnh TN.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1928, (vắng mặt)

Anh Nguyễn Thành Đ1, sinh năm: 1979, (vắng mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị N, (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 31, ấp CB, xã CG, huyện GD, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Lương Văn Đ và bà Nguyễn Thị D trình bày:

Vào ngày 21/7/2010 ông bà có nhận thế chấp của ông C và anh Đ1 một phần đất có diện tích khoảng 09 công đất ruộng tọa lạc ấp CB, xã CG, huyện GD, tỉnh TN với số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn 04 năm, thời hạn Đ ngày 21/7/2014 hết hạn. Ngày 21/7/2012 ông C và anh Đ1 thế chấp thêm 50.000.000 đồng thời hạn Đ ngày 21/7/2017 hết hạn, tổng số tiền hai lần thế chấp là 100.000.000 đồng. Hai

bên thỏa thuận khi nào đến hạn mà ông C và anh Đ1 không có tiền trả lại thì ông bà được tiếp tục làm, hai bên có làm hợp đồng thế đất ruộng có ông C, bà Nhâm (vợ ông C) anh Đ1 và vợ chồng ông cùng ký tên, có ông Lê Ngọc P ký tên người làm chứng và Trưởng ấp ký xác nhận.

Ngày 19/9/2012, ông C và anh Đ1 thế chấp thêm số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn là Đ cuối năm 2018 hết hạn. Nếu đến hạn mà chưa có tiền trả lại thì vợ chồng ông được tiếp tục làm đến khi nào có tiền thì vợ chồng ông trả lại đất bất cứ lúc nào, hai bên có làm giấy tay hợp đồng thế đất ruộng thêm có ông C, anh Đ1 và ông bà cùng ký tên.

Tuy nhiên chưa hết hạn hợp đồng, ông bà nhận được Thông báo của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GD về việc tài sản cưỡng chế có tranh chấp đối với phần đất ông bà đang nhận thế chấp để trả nợ cho người khác của anh Đ1. Do đó ảnh hưởng đến quyền lợi của ông bà nên ông bà khởi kiện yêu cầu anh Đ1 và ông C trả lại số tiền mà ông bà đã nhận thế chấp là 105.000.000 đồng, không yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng và cũng không yêu cầu bồi thường do vi phạm hợp đồng. Đối với bà Nhâm, chỉ ký tên vào hợp đồng bà không biết gì về việc thế chấp nêu trên nên ông bà không yêu cầu bà Nhâm có trách nhiệm cùng trả.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông thừa nhận có thế chấp phần đất như ông Đ bà D trình bày, tuy nhiên phần đất thế chấp là của anh Đ1 và anh Đ1 là người trực tiếp thế chấp và nhận tiền từ ông Đ bà D, ông và bà Nhâm chỉ ký tên vào hợp đồng theo yêu cầu của ông Đ. Do đó anh Đ1 có trách nhiệm trả lại tiền cho ông Đ bà D, còn ông và bà Nhâm không có trách nhiệm.

Bị đơn anh Nguyễn Thành Đ1: Anh Đ1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của ông Đ và bà D.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Còn những người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng riêng bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ và bà D, buộc ông C và anh Đ1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đ và bà D tiền thế chấp đất là 105.000.000 đồng. Ghi nhận ông Đ và bà D không yêu cầu bà Nhâm có trách nhiệm cùng trả và không yêu cầu bồi thường do vi phạm hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Phần đất mà ông Đ đang tranh chấp đã được Chi cục Thi hành Dân sự huyện GD ra Quyết định về việc cưỡng chế kê biên số 52/QĐ-CCTHADS ngày 10/8/2017. Do đó cần xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp liên quan Đ tài sản bị cưỡng chế để thi hành án là phù hợp theo quy định tại khoản 12 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Thành Đ1 và bà Nguyễn Thị N vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Ông Đ, bà D có nhận thế chấp của ông C và anh Đ1 03 lần đối với phần đất có diện tích 10.748,7 m² LUC, thuộc thửa đất số 140, 118, 103 và 104, tờ bản đồ số 22 tọa lạc ấp CB xã CG huyện GD tỉnh TN, do anh Đ1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tổng cộng số tiền 105.000.000 đồng, thời hạn Đ hết năm 2018. Nhưng thực tế ông bà chỉ sử dụng 9.000 m² vì diện tích còn lại ngập nước nên ông bà để lại cho ông C sử dụng. Tuy nhiên chưa hết hạn hợp đồng, Chi cục Thi hành án dân sự huyện GD ra Quyết định về việc cưỡng chế kê biên số 52/QĐ-CCTHADS ngày 10/8/2017 và Thông báo số 562/TB-THADS ngày 05/9/2017 về việc tài sản cưỡng chế có tranh chấp đối với phần đất ông bà đang nhận thế chấp. Do ảnh hưởng Đ quyền lợi nên ông Đ bà D yêu cầu ông C và anh Đ1 trả lại số tiền nhận thế chấp là 105.000.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Về phía ông Đ bà D đã cung cấp đầy đủ tất cả hợp đồng thế chấp và tại biên bản lấy lời khai ông C thừa nhận có việc thế chấp nêu trên. Chính vì vậy có đủ cơ sở xác định việc thế chấp giữa ông Đ, bà D với ông C và anh Đ1 là có thật.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của ông Đ bà D. Như vậy có đủ cơ sở xác định anh đã biết việc ông Đ bà D khởi kiện nhưng anh cố tình vắng mặt nhằm né tránh thực hiện nghĩa vụ. Đối với ông C, ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc anh Đ1 là người trực tiếp thế chấp và nhận tiền từ ông Đ bà D, hơn nữa tại biên bản lấy lời khai ông thừa nhận có việc thế chấp nêu trên và chữ ký trong tất cả hợp đồng đều là chữ ký của ông.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà D và đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cần buộc ông C và anh Đ1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đ bà D số tiền 105.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại các Điều 298, Điều 715 và Điều 717 Bộ luật dân sự 2005.

[5] Ghi nhận ông Đ và bà D không yêu cầu bà Nhâm có trách nhiệm cùng trả và không yêu cầu bồi thường do vi phạm hợp đồng.

[6] Án phí: Do chấp nhận yêu cầu của ông Đ bà D nên ông C và anh Đ1 phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 298, Điều 715 và Điều 717 Bộ luật dân sự năm 2005;
Căn cứ vào các Điều 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn Đ, bà Nguyễn Thị D đối với ông Nguyễn Văn C và anh Nguyễn Thành Đ1 về việc “Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án”.

Buộc ông Nguyễn Văn C và anh Nguyễn Thành Đ1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lương Văn Đ và bà Nguyễn Thị D số tiền thế chấp 105.000.000 (một trăm lẻ năm triệu) đồng.

Kể từ ngày ông Đ, bà D có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông C và anh Đ1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí: Buộc ông Nguyễn Văn C và anh Nguyễn Thành Đ1 phải chịu 5.250.000 (năm triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lương Văn Đ và bà Nguyễn Thị D được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 2.625.000 (hai triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn) đồng mà ông bà đã nộp theo biên lai thu số 0012595 ngày 11-10-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GD.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- Chi cục THADS huyện GD
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vui